

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2020

V/v: Xin ly hôn H – Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27C/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989;

- Bị đơn: Anh Phạm Đức Q, sinh năm 1983;

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Huyền và anh Quảng đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 29/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt, không cùng suy nghĩ với nhau, chị muốn đi làm nhưng anh Q không cho. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tháng 6/2016 mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên chị đã dọn ra ngoài thuê nhà ở tại thôn Đ, xã Q sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Phạm Bảo Q', sinh ngày 29/7/2012 và Phạm Thành C, sinh ngày 26/4/2014, hiện hai con chung đang sống cùng anh Q, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và

chị không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Trong thời kỳ hôn nhân, chị có sinh cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định vì cháu chưa được làm giấy khai sinh), sinh ngày 17/10/2017 nhưng không phải là con chung của chị và anh Q. Chị đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an để xác định cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định) và anh Q không có quan hệ huyết thống cha con. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Quỳnh P (tên giả định), không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng cho anh Q đối với cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định), về chi phí trưng cầu giám định chị H tự nguyện nộp và không yêu cầu anh Q phải chịu chi phí giám định ADN.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Q không có nợ chung, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Vì lý do công việc chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai 26/5/2020 và các đơn trình bày, bị đơn – anh Phạm Đức Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, không ở được với nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt, chị H đòi đi làm nhưng anh không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 6/2016 mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị H đã dọn ra ngoài thuê nhà ở thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 6/2016 và từ đó đến nay anh chị không có bất kỳ liên hệ hay phát sinh quan hệ sinh lý lần nào. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Phạm Bảo Q', sinh ngày 29/7/2012 và Phạm Thành C, sinh ngày 26/4/2014, từ khi vợ chồng ly thân đến nay hai con chung đang sống cùng anh, ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Trong thời kỳ hôn nhân, chị H có sinh một bé gái Phạm Quỳnh P (tên giả định), sinh ngày 17/10/2017 nhưng không phải là con chung của anh và chị H. Chị H đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an, anh nhất trí và anh cũng đã được thông báo kết quả giám định, anh đồng ý với kết quả giám định cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định) và anh Q không có quan hệ huyết thống cha con. Nay ly hôn, anh đề nghị xác định cháu P không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị H và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng cho anh đối với cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định), về chi phí trưng cầu giám định chị H tự nguyện nộp và không yêu cầu anh phải chịu chi phí giám định AND, anh nhất trí không có ý kiến gì.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Đức Q; Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh Q có 02 con chung là Phạm Bảo Quyên, sinh ngày 29/7/2012 và Phạm Thành Công, sinh ngày 26/4/2014. Giao hai con chung Phạm Bảo Q' và Phạm Thành C cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Giao cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định) cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định); Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Q không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh Q đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H và anh Phạm Đức Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H xin được ly hôn anh Quảng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2010 ngày 29/11/2010. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong đời sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt, khác biệt quá lớn về cách sống, không cùng suy nghĩ với nhau, chị H muốn đi làm nhưng anh Q không cho dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng chị H và anh Q đã sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay, chị H đã dọn ra ngoài thuê nhà ở Thôn Đ, xã Q, huyện T sinh sống, từ đó đến nay hai bên không hỏi han đến nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con trong thời kỳ hôn nhân: Chị H và anh Q đều xác định anh chị có 02

con chung là Phạm Bảo Q', sinh ngày 29/7/2012 và Phạm Thành C, sinh ngày 26/4/2014. Cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định), sinh ngày 17/10/2017 được chị H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, cả chị H và anh Q đều xác định cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định) không phải là con chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình tham gia tố tụng, chị H đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Tại bản kết luận giám định số 155/C09-TT3 ngày 09/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Anh Phạm Đức Q không phải là cha đẻ của cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định, sinh ngày 17/10/2017)”. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định), sinh ngày 17/10/2017 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Q không phải là con chung của chị H và anh Q. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84, 88 Luật Hôn nhân và gia đình xác định chị H và anh Q có 02 con chung là Phạm Bảo Q', sinh ngày 29/7/2012 và Phạm Thành C, sinh ngày 26/4/2014; giao cả hai con Q' và C cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận đề nghị của anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Căn cứ vào các điều 81, 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định cháu Phạm Quỳnh P, sinh ngày 17/10/2017 không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Q, giao cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định) cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định).

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Q đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định 9.930.000đ (Chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng), và không yêu cầu anh Q phải chịu chi phí giám định. Xét đề nghị của chị H là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Đức Q.

2. Về con trong thời kỳ hôn nhân: Chị H và anh Q có 02 con chung là Phạm Bảo Q', sinh ngày 29/7/2012 và Phạm Thành C, sinh ngày 26/4/2014; giao hai con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo

quy định của pháp luật.

Cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định), sinh ngày 17/10/2017 không phải con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Q, giao cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quỳnh P (tên giả định).

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định 9.930.000đ (Chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng), chị Phạm Thị H đã thực hiện xong.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002212 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ nộp tiền của chị H đã xong.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Q;
- Lưu HCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

